|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**1. KẾ HOẠCH DẠY HỌC PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6**

**CẢ NĂM: 35 TUẦN/ 53 TIẾT**

**Cả năm: 35 tuần (53 tiết) Học kỳ I: 18 tuần (27 tiết) Học kỳ II: 17 tuần (26 tiết)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thiết bị dạy học** | **Địa điểm dạy học** |
| **HỌC KÌ I (18 TUẦN - 27 TIẾT)** | | | | | | |
| **TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ? (1 tiết)** | | | | | | |
|  | **1** | **Bài mở đầu**: Tại sao cần học Địa lí? | **1** | - Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.  - Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống. | - Hình ảnh về thiên nhiên, các hiện tượng và đối tượng địa lí  - Quả địa cầu, bản đồ, mô hình, … | Lớp học |
| **CHƯƠNG 1: BẢN ĐỒ - PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT (8 tiết)** | | | | | | |
|  | **2, 3** | **Bài 1:** Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí. | **2** | - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.  - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới. | Quả địa cầu; Lưới kinh tuyến, vĩ tuyến; Bản đồ hành chính VN | Lớp học |
|  | **4, 5** | **Bài 2:** Kí hiệu và chú giải trên các loại bản đồ thông dụng | **2** | - Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. | Bản đồ các nước ĐNA, bản đồ một khu vực của thành phố Hà Nội | Lớp học |
|  | **6,7** | **Bài 3:** Tìm đường đi trên bản đồ | **2** | - Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Biết tìm đường đi trên bản đồ. | Bản đồ, lược đồ, mô hình | Lớp học |
|  | **8** | **Bài 4:** Lược đồ trí nhớ | **1** | Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. | Hình ảnh khu vực muốn vẽ lược đồ | Lớp học |
|  | **CHƯƠNG 2: TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI (7 tiết)** | | | | | |
|  | **9** | **Bài 5:** Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng, kích thước của Trái Đất. | **1** | - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. | Hình ảnh về hệ Mặt Trời, hình dạng của Trái Đất. | Lớp học |
|  | **10, 11, 12** | **Bài 6:** Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả | **3** | - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh trục.  - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau và mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. | - Quả địa cầu, hình ảnh về chuyển động tự quay tranh các khu vực giờ, sự lệch hướng của các vật thể. | Lớp học |
|  | **13** | **Ôn tập kiểm tra, đánh giá giữa HK I môn LSĐL** | **1** | - Tỉ lệ của từng phần môn theo học kì I: Phân môn Lịch sử: 50%, phân môn Địa lí: 50% | Hệ thống câu hỏi ôn tập | Lớp học |
|  | **14** | **Kiểm tra, đánh giá giữa HK I môn LSĐL** | **1** | - Tỉ lệ của từng phần môn theo học kì I: Phân môn Lịch sử: 50%, phân môn Địa lí: 50% | Đề kiểm tra | Lớp học |
|  | **15, 16, 17** | **Bài 7:** Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | **3** | - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. | -Mô hình Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.  - Sơ đồ chuyển động của Trái đất quanh Mặt Trời và các mùa ở bán cầu Bắc, | Lớp học |
|  | **18** | **Bài 8:** Thực hành xác định được phương hướng ngoài thực tế | **1** | Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên hoặc dùng địa bàn. | La bàn, điện thoại thông minh có la bàn; Tranh ảnh, về tìm phương hướng trong thực tế | Sân trường |
|  | **CHƯƠNG 3: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT (7 tiết)** | | | | | |
|  | **19, 20,21** | Bài 9: Cấu tạo của Trái Đất. Động đất và núi lửa | **3** | - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.  - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này.  - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra. | Tranh về cấu tạo của Trái Đất, lược đồ các mảng kiến tạo của lớp vỏ TĐ. | Lớp học |
|  | **22, 23, 24** | **Bài 10:** Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản | **3** | - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.  - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.  - Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.  - Kể được tên một số loại khoáng sản. | Tranh về quá trình nội sinh, ngoại sinh, ảnh về các dạng địa hình, hình ảnh các loại khoáng sản. | Lớp học |
|  | **25** | **Bài 11:** Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản | **1** | - Biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. | Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn, lát cắt địa hình từ TPHCM dến Đà Lạt. | Lớp học |
|  | **26** | **Ôn tập kiểm tra, đánh giá cuối HK I** | 1 | - Tỉ lệ của từng phần môn theo học kì I: Phân môn Lịch sử: 50%, phân môn Địa lí: 50% | Hệ thống câu hỏi ôn tập | Lớp học |
|  | **27** | **Kiểm tra, đánh giá cuối HK I môn LSĐL** | **1** | - Tỉ lệ của từng phần môn theo học kì I: Phân môn Lịch sử: 50%, phân môn Địa lí: 50% | Đề kiểm tra | Lớp học |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **HỌC KÌ II (17 TUẦN - 26 TIẾT)**  **CHƯƠNG 4: KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (7 tiết)** | | | | | |
|  | **28, 29** | **Bài 12:** Lớp vỏ khí. Khối khí. Khí áp và gió trên Trái Đất | **2** | - Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu; hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic.  - Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.  - Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.  - Biết cách sử dụng khí áp kế. | - Sơ đồ các tầng khí quyển.  - Quả địa cầu; Khí áp kế.  - Sơ đồ các đai khí áp gió trên Trái Đất. | Lớp học |
|  | **30, 31** | **Bài 13:** Thời tiết và khí hậu. Các đới khí hậu trên Trái Đất | **2** | - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  - Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.  - Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế.  - Phân biệt được thời tiết và khí hậu.  - Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu. | -Lược đồ đới khí hậu trên Trái Đất,  - Hình ảnh, các lược đồ: Nhiệt độ TB năm trên Trái Đất; Lượng mưa TB năm trên Trái Đất;  -Tranh hoặc dụng cụ đo ẩm kế, nhiệt kế, | Lớp học |
|  | **32, 33** | **Bài 14:** Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu | **2** | - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.  - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. | - Video, hình ảnh một số thiên tai do biến đổi khí hậu. | Lớp học |
|  | **34** | **Bài 15:** Thực hành phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa | **1** | - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. | - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa  - Hình 2 SGK đã che tên địa điểm | Lớp học |
|  |  | **CHƯƠNG 5: NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT (5 tiết)** | | | | |
|  | **35** | **Bài 16:** Thủy quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngầm, băng hà. | 1 | - Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển.  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước. | - Sơ đồ vòng tuần hoàn nước trên Trái Đất. - Hình ảnh về thủy quyển. | Lớp học |
|  | **36** | **Ôn tập kiểm tra, đánh giá giữa HK II** | 1 | - Tỉ lệ của từng phần môn theo học kì I: Phân môn Lịch sử: 50%, phân môn Địa lí: 50% | Hệ thống câu hỏi ôn tập | Lớp học |
|  | **37** | **Kiểm tra, đánh giá giữa HK II môn LS - ĐL** | 1 | - Tỉ lệ của từng phần môn theo học kì I: Phân môn Lịch sử: 50%, phân môn Địa lí: 50% | Đề kiểm tra | Lớp học |
|  | **38, 39** | **Bài 17:** Sông và hồ. | 2 | - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. | - Mô hình hệ thống sông.  - Các hình ảnh, sơ đồ về sông hồ, nước ngầm, băng hà. | Lớp học |
|  | **40, 41** | **Bài 18:** Biển và đại dương | 2 | - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  - Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển.  - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới. | - Bản đồ các dòng biển trong đại dương Thế Giới.  - Các hình ảnh, sơ đồ về biển, sóng, thủy triều, dòng biển. | Lớp học |
|  |  | **CHƯƠNG 6:** **ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT (5 tiết)** | | | |  |
|  | **42, 43** | **Bài 19:** Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình | **2** | - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  - Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới. | - Tranh một mặt cắt thẳng đứng các tầng đất.  - Lược đồ các nhóm đất chính trên TĐ.  - Hình ảnh về 1 số loại đất chính. | Lớp học |
|  | **44, 45** | **Bài 20:** Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên. Rừng nhiệt đới | **2** | - Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.  - Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.  - Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. | -Tranh ảnh, các thông tin về các cảnh quan trên Trái Đất.  -Tranh ảnh, các thông tin về rừng nhiệt đới trên Trái Đất | Lớp học |
|  | **46** | **Bài 21:** Thực hành tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương | **1** | Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phượng. | Tư liệu môi trường tự nhiên địa phương, máy tính Hình ảnh, tư liệu và môi trường thiên nhiên ở địa phương; Sinh vật địa phương | Lớp học |
|  | **CHƯƠNG 7: CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN (5 tiết)** | | | | | |
|  | **47, 48** | **Bài 22:** Dân số và phân bố dân cư | **2** | - Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.  - Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. | -Biểu đồ quy mô dân số thế giới  - Lược đồ phân bố dân cư thế giới | Lớp học |
|  | **49, 50** | **Bài 23:** Con người và thiên nhiên | **2** | - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.  - Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.  - Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. | Một số hình ảnh về tác động của thiên nhiên đến con người và tác động của con người đến thiên nhiên. | Lớp học |
|  | **51** | **Bài 24:** Thực hành tác động của con người đến thiên nhiên. | **1** | Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | Tranh ảnh về thiên nhiên, tác động của con người ở địa phương. | Lớp học |
|  | **52** | **Ôn tập kiểm tra, đánh giá cuối HK II** | **1** | - Tỉ lệ của từng phần môn theo học kì I: Phân môn Lịch sử: 50%, phân môn Địa lí: 50% | Hệ thống câu hỏi ôn tập | Lớp học |
|  | **53** | **Kiểm tra, đánh giá cuối HK II môn LSĐL** | **1** | - Tỉ lệ của từng phần môn theo học kì I: Phân môn Lịch sử: 50%, phân môn Địa lí: 50% | Đề kiểm tra | Lớp học |